

Số:/BC-UBND

EaLy, ngày 15 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo
và phòng, chống tham nhũng 06 tháng đầu năm 2024**
(từ ngày 15/11/2023 dự ước đến 15/6/2024)

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

Ea Ly là một xã miền núi giáp ranh với các tỉnh Tây Nguyên là Gia Lai và Đắk Lắk, được thành lập ngày 15/10/2003 trên cơ sở tách ra từ xã Ea Bar, có diện tích tự nhiên là 7.990,93 ha. Toàn Đảng bộ có 12 chi bộ trực thuộc với 197 đảng viên (trong đó có 6 chi bộ thôn, buôn; 03 chi bộ trường học; 01 chi bộ Trạm y tế; 01 chi bộ quân sự, 01 chi bộ Công an). Toàn xã có 7.126 khẩu, 2.027 hộ với 19 thành phần dân tộc cùng sinh sống. Tình hình đội ngũ cán bộ, công chức tại đơn vị: 11 cán bộ chuyên trách, 10 công chức và 13 người hoạt động không chuyên trách, 01 cộng tác viên công tác xã hội; Hầu hết cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, buôn có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, được dân tin, yêu mến. Đồng thời UBND xã luôn cải tiến lề lối làm việc và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định của cấp trên và quy chế đề ra, các ban ngành, buôn trong hoạt động đã luôn thực hiện tốt quy chế làm việc. Từ đó công việc được giải quyết kịp thời và chính xác hơn, phát huy được tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo, giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, hạn chế được việc đùn đẩy trong giải quyết công việc.

II. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Khái quát chung về tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn (tăng, giảm); những yếu tố ảnh hưởng (tình hình kinh tế, chính trị, xã hội).

- Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo của công dân cũng như công tác hoà giải ở cơ sở được Ủy ban nhân dân xã đặc biệt quan tâm. Các vụ việc tranh chấp, khiếu nại được giải quyết kịp thời. Từ đó tình hình tranh chấp, khiếu kiện được kiểm chế, không xảy ra điểm nóng, không có tình trạng khiếu kiện vượt cấp. Nội dung liên quan đến công tác đất đai, vệ sinh môi trường,... Trong đó, đơn thư về tranh chấp lĩnh vực đất đai chiếm 60%. UBND xã bám sát sự chỉ đạo của UBND huyện, Đảng ủy xã liên quan đến công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân đã góp phần giải quyết kịp thời các bức xúc của nhân dân. Bên cạnh đó, thường xuyên chỉ đạo kiểm tra, rà soát các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên nhằm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết.

Trong 6 tháng đầu năm 2024 UBND xã nhận được 5 đơn thư của công dân.

a) Về khiếu nại: Không

b) Về tố cáo: Không

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

Phân tích theo 02 nhóm nguyên nhân chủ quan và khách quan: Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo nên không phân tích nguyên nhân này.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD)

- Tổng số lượt tiếp: 5 lượt, số người được tiếp: 05 người; số vụ việc: 5 vụ việc tiếp lần đầu;

- Số đoàn đông người được tiếp: Không.

- Kết quả tiếp công dân của của thủ trưởng: 24 lượt tiếp trực tiếp.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

a) Tổng số đơn: 5 đơn

- Số đơn đã xử lý 4/ 5 tổng số đơn tiếp nhận;

- Số đơn 5 vụ việc đủ điều kiện xử lý.

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: Không;

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: Không;

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 5 đơn.

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 4 đơn.

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 1 đơn.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 05 đơn.

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 0 đơn.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết 4/5 tổng số đơn, số vụ việc; tỷ lệ giải quyết 80%.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ): Không.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ): Không

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (04/XLD)

- Tổng số vụ việc đã giải quyết 4 /05 tổng số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết đạt 80%.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có): Không

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (03/QLNN)

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 100/QĐ-UBND, ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND xã về việc ban hành Quy chế tiếp công dân tại UBND xã EaLy; Quyết định số 101/QĐ-UBND, ngày 20/9/2023 của Chủ tịch UBND xã về việc ban hành nội quy tiếp công dân tại UBND xã EaLy; UBND xã ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND, ngày 12/01/2023 của UBND xã về việc phân công cán bộ, công chức làm công tác Tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân; UBND xã niêm yết Lịch tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo theo quy định và niêm yết Nội quy tiếp công dân. Phân công công chức Tư pháp – Hộ tịch tham mưu Chủ tịch UBND xã tiếp công dân định kỳ, đột xuất và tiếp công dân thường xuyên.

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

-Xác định nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hoạt động tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ thường xuyên. Vì vậy Ủy ban nhân dân đã đưa nội dung tuyên truyền về hoạt động tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo vào Kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục hàng năm. Thông qua kế hoạch đã nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân về mục đích, tầm quan trọng của công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo. Việc tuyên truyền thông qua việc thực hiện công khai Bộ thủ tục hành chính Lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại cơ quan, thông qua các hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đăng tin trên Trang Thông tin điện tử, truyền thông trong công tác tuyên truyền và khai thác có hiệu quả các tiện ích của mạng xã hội có nhiều người dùng (như zalo, Facebook...). Nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011; Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tố cáo; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Thông tư số 05/2021/TT-TTTP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

IV. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

- UBND xã đã kịp thời chỉ đạo phổ biến, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn, với hình thức thông qua các cuộc họp, hội nghị, giám sát, tập huấn,... qua đó đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức và nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; mỗi cán bộ, công chức, viên chức đều xây dựng kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI; Kết luận 21-KL/TW của BCH Trung ương Đảng. Nâng cao vai trò trách nhiệm của các tổ chức, đoàn thể trong việc giám sát hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức; tăng cường thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Thực hiện nghiêm các quy định của cấp trên về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Không.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách): Thực hiện bố trí cán bộ, công chức theo đúng quy định. Hiện nay UBND xã EaLy có 20 cán bộ, công chức cơ bản đáp ứng yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực: Tuyên truyền qua các buổi tiếp xúc cử tri, các cuộc họp dân, hội nghị,...

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế làm việc của UBND xã; thực hiện chương trình công tác năm, 6 tháng, quý, tháng đã ban hành. Việc bổ sung, hoàn thiện quy chế làm việc của địa phương được UBND xã thực hiện thường xuyên, bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao kịp thời khắc phục những chồng chéo; sắp xếp, bố trí, phân công rõ trách nhiệm của từng cán bộ, công chức đảm bảo tính thống nhất, theo vị trí việc làm; gắn trách nhiệm của từng cá nhân, trong thực thi nhiệm vụ, công vụ, bảo đảm cấp dưới phục tùng sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định của cấp trên. Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ đối với cán bộ, công chức, người lao động. UBND xã đã thực hiện công khai trên Trang thông tin điện tử văn bản chỉ đạo điều hành đối với các lĩnh vực, lịch làm việc trong tuần, lịch tiếp công dân hàng tháng; thực hiện công khai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công khai tài chính, ngân sách, danh mục đầu tư, xây dựng cơ bản, công tác cán bộ theo đúng quy định của pháp luật

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với một số cơ quan Nhà nước; Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với một số cơ quan Nhà nước; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo công chức kế toán - ngân sách ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công. Việc công khai công tác quản lý thu, chi tài chính của các cơ quan đảm bảo theo đúng quy định.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

UBND xã thực hiện nghiêm kỷ cương kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao ý thức trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, người lao động trong 6 tháng đầu năm 2024 không có cán bộ, công chức nào vi phạm.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Trong 6 tháng đầu năm UBND xã chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số: 35/UBND ngày 02/04/2024“V/v tăng cường thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước năm 2024 trên địa bàn xã

EaLy; triển khai thực hiện Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cải cách hành chính, từng bước xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại phục vụ người dân và doanh nghiệp. Triển khai sử dụng chữ ký số chuyên dùng. UBND xã luôn chú trọng việc tăng cường triển khai áp dụng khoa học công nghệ trong giải quyết các công việc chuyên môn như trang bị máy vi tính, máy in, máy scan, tham gia tập huấn ứng dụng các phần mềm, thực hiện nghiêm túc việc gửi và nhận văn bản điện tử qua phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành. Việc thực hiện trả lương qua tài khoản cá nhân: Đến nay, 100% cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách được chi trả lương, phụ cấp qua tài khoản cá nhân mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Sông Hình.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện việc kê khai và giao nộp bản kê khai tài sản thu nhập năm. Tổng số người đã thực hiện kê khai lần đầu là 20 người, số người kê khai hàng năm là 10 người. Toàn bộ bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu đã được bàn giao đến cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo quy định. Qua việc kê khai tài sản thu nhập UBND xã nhận thấy nguồn thu nhập chính của cán bộ đều phụ thuộc vào chế độ tiền lương của Nhà nước, tài sản chủ yếu kê khai là thửa đất đang sử dụng làm nhà ở; các đối tượng thuộc diện phải kê khai chưa có biểu hiện gì thiếu trung thực trong việc kê khai. Trong thời gian qua, không có trường hợp nào phải xác minh tài sản thu nhập cũng như xử lý vi phạm quy định về minh bạch tài sản, thu nhập.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Không

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Trong thời qua, công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn đã có sự chuyển biến tích cực là do có sự chỉ đạo, hướng dẫn kịp thời của các cấp, các ngành, sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy Đảng, các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền, giám sát, kiểm tra về phòng chống tham nhũng nhằm nâng cao vai trò, trách nhiệm và ý thức của cán bộ, công chức trong công tác đấu tranh và phòng, ngừa tham nhũng. UBND xã thường xuyên phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, vận động nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng: Không.

V. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm: Công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn được tăng cường, đi vào chiều sâu và hiệu quả hơn, được đông đảo cán bộ, đảng viên, công chức đồng tình, ủng hộ; Việc thực hiện cải cách hành chính, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với dân có nhiều chuyển biến tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, giảm bớt những thủ tục trong việc thực hiện giấy tờ hành chính. Lãnh đạo, người đứng đầu chủ động, tích cực, tổ chức chỉ đạo cán bộ, công chức, nhân dân thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng.

2. Tồn tại, hạn chế: Công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực đôi lúc chưa được quan tâm quyết liệt.

3. Nguyên nhân: Công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của cả hệ thống chính trị, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, cần có sự vào cuộc và phối giữa các cơ quan, đơn vị trong công tác phòng, chống tham nhũng. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng chưa thường xuyên sâu rộng trong cán bộ, nhân dân.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm và tính tiên phong, gương mẫu của cấp ủy, tổ chức đảng nhất là vai trò, trách nhiệm của đồng chí bí thư cấp ủy trong phòng chống tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật rộng rãi về phòng chống tham nhũng cho tất cả cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân một cách thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức để không ngừng nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và nhân dân về hành vi tham nhũng; qua đó giúp cho cán bộ, công chức và nhân dân nắm vững được các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, đấu tranh với những hành vi vi phạm.

Tăng cường quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các biểu hiện tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm việc xử lý, điều chuyển, miễn nhiệm cán bộ, công chức có biểu hiện tham nhũng, lãng phí; không bố trí những người có quan hệ gia đình cùng làm một số công việc dễ xảy ra tham nhũng.

Tổ chức thực hiện tốt việc kê khai tài sản thu nhập hàng năm đối với các đối tượng thuộc diện kê khai; ban hành và rà soát, bổ sung, sửa đổi kịp thời các văn bản cụ thể hóa các quy định của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

2. Kiến nghị, đề xuất (Nếu có): Không.

Trên đây là Kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng 06 tháng đầu năm 2024./.

Nơi nhận:

- Phòng thanh tra huyện;
- Lưu VT, TP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đình Năm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT

Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp						Ủy quyền tiếp											
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc	Trong đó đoàn đông người					
																Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp					Số vụ việc tiếp lần đầu	Số vụ việc tiếp nhiều lần	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+16+24+25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	5	5	5	5	5	5	0	0	0	0	0	24	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

30- Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu:**

- Đây là Biểu tổng hợp kết quả chung về tiếp công dân qua công tác tiếp dân thường xuyên, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng
- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = (4) + (13) + (22) là Tổng số lượt tiếp, gồm số lượt tiếp thường xuyên và số lượt tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (2) = (5) + (14) + (23) là Tổng số người được tiếp, bao gồm tiếp thường xuyên và tiếp của thủ trưởng (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Cột (3) = (6) + (7) + (15) + (16) + (24) + (25): là Tổng số vụ việc tiếp, gồm số vụ việc tiếp thường xuyên và số vụ việc thủ trưởng tiếp (trực tiếp hoặc ủy quyền tiếp)
- Vụ việc tiếp nhiều lần là vụ việc tiếp từ hai lần trở lên: các Cột (7),(11),(16),(20),(25),(29)
- Đoàn đông người là đoàn có từ 5 người trở lên
- Đối với vụ việc tiếp công dân thường xuyên có thủ trưởng tiếp thì chỉ nhập số liệu 1 lần vào mục thủ trưởng tiếp
- Cột (6): Số vụ việc tiếp lần đầu thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp lần đầu đối với đoàn đông người (cột 10)
- Cột (7): Số vụ việc tiếp từ lần thứ hai trở lên thông qua hoạt động tiếp công dân thường xuyên, bao gồm cả số vụ việc tiếp nhiều lần đối với đoàn đông người (cột 11)
- Tổng số đoàn đông người được tiếp = Cột (8) + (17) + (26)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 30 (nếu có)

Biểu số: 01/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN**Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15/6/2024***(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)*

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Số đơn đã xử lý	Số đơn chưa xử lý (chuyển kỳ sau xử lý)	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết		Kết quả xử lý đơn							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Chưa giải quyết xong	Đơn thuộc thẩm quyền			Đơn không thuộc thẩm quyền					
				Lần đầu	Nhiều lần						Tổng số	Khiếu nại		Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết			
MS	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6 = 8+9+10 =11+12+13+14	7	8	9	10	11	12	13	14=15+16+17	15	16	17	18=19+20+21	19	20	21	22
	5	0	5	5	0	5	5	0	0	5	4	0	1	5	0	0	5	0	0	0	0	0

- Cột (13): Số đơn chưa giải quyết xong, là số đơn công dân tiếp tục gửi đơn mới khi đơn gửi trước đó chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết hoặc đã thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết
- Cột (14) = (15) + (16) + (17) là tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (18) là tổng số đơn không thuộc thẩm quyền = Cột (19) + (20) + (21)
- Cột (22): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 23 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI**Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024***(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)*

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc khiếu nại theo nội dung							Phân loại vụ việc khiếu nại theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn					Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn		
	Tổng số	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã được giải quyết			Chưa giải quyết xong	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
									Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của TAND		Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng		Hướng dẫn	Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9 = 10+11+12	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=21+22	21	22	23=24+25	24	25	26
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn khiếu nại nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển, ...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = (2) + (3)
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn khiếu nại đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (20)-(25)
- Cột (7) = Cột (8) ở Biểu số 01/XLD
- Cột (8): Số vụ việc đủ điều kiện xử lý = (9) + (13) + (14) + (15) = (16) + (17) + (18) + (19) = (20) + (23)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc khiếu nại đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (13) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...

- Cột (14) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, đoàn thể...
- Cột (16): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (17): đã có quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Số vụ việc khiếu nại công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (20) = (21) + (22)
- Cột (21): Số vụ việc khiếu nại lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (22): Số vụ việc khiếu nại lần hai thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (23) = (24) + (25)
- Cột (26): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024
(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc tố cáo theo nội dung								Phân loại vụ việc tố cáo theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý đơn				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn			
	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực Khác	Tố cáo tiếp	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
									Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà ở, công vụ	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu		Tố cáo tiếp	Tổng số	Chuyển đơn
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+14+15+16+17+18+19+20=21+24	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24=25+26	25	26	27
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

28. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn tố cáo, bao gồm đơn tố cáo nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3).
- Cột (4) = (5) + (6): Là tổng số đơn tố cáo đã hoàn thành quy trình xử lý (ra kết quả cuối cùng) theo quy định, nêu tại các cột từ (21)-(26)
- Cột (7) = Cột (9) ở Biểu 01/XLD

- Cột (8) = (9) + (14) + (15) + (16) + (17) = (18) + (19) + (20) = (21) + (24)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc tố cáo đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (10) Chế độ, chính sách như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động, người có công,...
- Cột (11) Đất đai, nhà cửa như: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, cấp giấy chứng nhận QSDT, thu hồi, đòi đất, nhà,...
- Cột (15) Lĩnh vực tư pháp như: Điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án,...
- Cột (16) Lĩnh vực Đảng, đoàn thể như: liên quan đến vi phạm điều lệ, kỷ luật Đảng, Đoàn thể,...
- Cột (20): Số vụ việc tố cáo công dân gửi đơn lần đầu hoặc đã gửi đơn nhưng chưa được giải quyết, đang giải quyết (chưa hoàn thành việc giải quyết)
- Cột (21) = Cột (22) + (23)
- Cột (24) = Cột (25) + (26)
- Cột (27): Thống kê số vụ việc có văn bản đôn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 28 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ, GIẢI QUYẾT ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)

Đơn vị	Tổng số đơn phải xử lý			Đơn đã xem xét về điều kiện xử lý			Đơn đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết		Kết quả xử lý đơn			Kết quả giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền		
	Tổng số đơn	Số đơn kỳ trước chuyển sang	Số đơn tiếp nhận kỳ	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tur pháp	Khác	Đã được giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			Số vụ việc đã giải quyết	Số vụ việc chưa giải quyết
																Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8=9+10+11+12= 13+14 =15+18	9	10	11	12	13	14	15	16 = 17+18	17	18	19	20
	05	0	05	05	0	5	05	5	0	03	0	2	4	0	05	0	0	0	4	1

21. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Đây là biểu chi tiết về kết quả xử lý đơn KN, PA nhận được qua tiếp công dân và nhận từ các nguồn khác (gửi qua dịch vụ chuyển phát, cơ quan khác chuyển,...)
- Số liệu tại Biểu này nằm trong số liệu tổng hợp tại Biểu 01/XLD
- Cột (1) = Cột (2) + (3)
- Cột (4) = Cột (5) + (6): Là tổng số đơn KN, PA đã được xem xét về điều kiện xử lý (đủ hay không đủ điều kiện xử lý)
- Cột (7) = Cột (13) ở Biểu 01/XLD
- Cột (8) = Cột (9) + (10) + (11) + (12) = Cột (13) + (14) = Cột (15) + (18)
- Từ Cột (9) trở đi là số liệu tổng hợp đối với các vụ việc KN, PA đủ điều kiện xử lý (thống kê tại Cột (8))
- Cột (13): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc đã được cơ quan có thẩm quyền giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA
- Cột (14): Khi tiếp nhận đơn, vụ việc chưa được giải quyết hoặc đã được thụ lý, giải quyết nhưng chưa hoàn thành việc giải quyết KN, PA
- Cột (15): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (16): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền giải quyết
- Cột (17): Tổng số vụ việc KN, PA không thuộc thẩm quyền có văn bản chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết
- Cột (18): Thống kê số vụ việc có văn bản đơn đốc hoặc chuyển đơn từ lần thứ 2 trở lên do chưa nhận được kết quả giải quyết của cơ quan có thẩm quyền
- Cột (19): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đã được giải quyết và có kết luận, trả lời người KN, PA trong kỳ báo cáo
- Cột (20): Tổng số vụ việc KN, PA thuộc thẩm quyền (thống kê tại cột 15) đang được giải quyết hoặc chưa được giải quyết

- Nội dung ghi chú viết vào dòng 21 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết				
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định		
																									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+21+22+23+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1) = Cột (2) + (3) = Cột (15) thuộc Biểu 01/XLD
- Cột (4) = Cột (20) thuộc Biểu 02/XLD
- Cột (5) = Cột (20) + (21) + (22) + (23) + (24)
- Cột (6): Chỉ thống kê các vụ việc rút toàn bộ nội dung; trường hợp không rút toàn bộ thì không thống kê vào cột này
- Từ Cột (7) trở đi là số liệu tổng hợp, phân tích đối với kết quả giải quyết các vụ việc khiếu nại (thống kê tại Cột (5), (6))

- Cột (15): Thống kê số người bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (19): Thống kê số vụ việc bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (18): Thống kê số đối tượng bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức bị kiến nghị chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Cột (25): Thống kê số vụ việc chấp hành đúng quy định về thời hạn giải quyết khiếu nại
- Cột (26): Thống kê số vụ việc chấp hành không đúng quy định về thời gian giải quyết khiếu nại
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 27 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân						
							Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

20. Ghi chú:**Hướng dẫn cách ghi biểu**

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số quyết định giải quyết khiếu nại phải thực hiện trong kỳ, bao gồm số quyết định chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số quyết định ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện
- Cột (2) Số quyết định giải quyết khiếu nại đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (15): Thống kê số người đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (16): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 15)
- Cột (18): Thống kê số người đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại
- Cột (19): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã khởi tố do vi phạm liên quan đến khiếu nại và giải quyết khiếu nại (<= Cột 18)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 20 (nếu có)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15/6/2024

(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã EaLy)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chấp hành thời hạn giải quyết					
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết				Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước		Trả lại cho tổ chức, cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tố cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tố cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tố cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có đúng, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định				
						Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không do rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức								
M5	1=2+3	2	3	4	5	6=7+8+9+10 =30+31>= 24+26+28	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			

32. Ghi chú:

MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

25. Ghi chú:***Hướng dẫn cách ghi biểu***

- Cột "Đơn vị" để ghi tên các đơn vị trực thuộc
- Cột (1): Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo phải thực hiện trong kỳ (bao gồm số kết luận, xử lý tố cáo chưa thực hiện xong của kỳ báo cáo trước chuyển sang và số kết luận xử lý tố cáo ban hành trong kỳ báo cáo phải thực hiện)
- Cột (2) Số kết luận nội dung tố cáo, xử lý tố cáo đã thực hiện xong trong kỳ báo cáo
- Cột (19): Thống kê số tổ chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (21): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã xử lý hành chính theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 20)
- Cột (23): Thống kê số đối tượng đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo
- Cột (24): Thống kê số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển cơ quan điều tra tiếp tục xử lý theo kết luận nội dung tố cáo và xử lý tố cáo (<= Cột 23)
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 25 (nếu có)

Biểu số: 01/PCTN

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM
NHỮNG, TIÊU CỰC**

Số liệu tính từ ngày 15/11/2024 đến ngày 15 /6/2024

*(Kèm theo Báo cáo số: ngày 15 tháng 5 năm 2024 của UBND xã
EaLy)*

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	01
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được tổ chức	Lớp	
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTNTC	Lượt người	
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được xuất bản	Tài liệu	
	THANH TRA TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ PCTNTC		
7	Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC	Cuộc	
8	Số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC đã ban hành kết luận	Cuộc	
9	Số đơn vị được thanh tra	Đơn vị	
	<i>Kiến nghị xử lý hành chính</i>		
10	+ Tập thể	tập thể	
11	+ Cá nhân	người	
	<i>Kiến nghị xử lý hình sự</i>		
12	+ Số vụ	vụ	
13	+ Số đối tượng	Đối tượng	
	PHÒNG NGỪA THAM NHỮNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
14	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực	CQ, TC,	

	hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	ĐV	
15	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
16	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
17	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
18	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
19	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
20	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
21	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
22	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
23	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
24	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
25	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
26	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
27	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
28	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
29	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
30	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0

	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
31	Số cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
32	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
33	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0
34	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	0
35	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
36	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
37	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
38	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
39	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
40	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	0
41	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
42	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
43	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
43.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người	0
43.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
44	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong	Vụ	0

	kỳ báo cáo		
45	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
46	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
50	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	0
51	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
52	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện	Người	0

	thông qua hoạt động kiểm toán		
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
58	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
59	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
60	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
61	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại tố cáo</i>		
62	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
63	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
64	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
65	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
66	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
67	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
68	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
69	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
70	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
71	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHƯNG		
72	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết	Người	0

	luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng		
73	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
74	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
74.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	0
74.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	0
74.3	- <i>Cách chức</i>	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
75	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
76	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
76.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	0
76.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	0
76.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	0
76.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	0
77	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
78	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
79	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
80	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
81	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
82	Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		

83	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
83.1	- <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	0
83.2	- <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	0
84	Đất đai	m ²	0
84.1	- <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m ²	0
84.2	- <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
85	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Đất đai	m ²	0
	PHÁT HIỆN, XỬ LÝ THAM NHŨNG TRONG NGÀNH THANH TRA (số liệu này nằm trong số liệu tổng hợp về phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị)		
87	Tổng số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
88	Tổng số đối tượng trong cơ quan thanh tra có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
89	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Vụ	0
90	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hình sự	Người	0
91	Số vụ việc tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý hành chính	Vụ	0
92	Số đối tượng tham nhũng trong cơ quan thanh tra bị xử lý kỷ luật	Người	0
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
93	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
94	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	0
95	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTNTC) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTNTC	Tổ chức	0
96	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước	Vụ	0

	thuộc phạm vi quản lý được phát hiện		
97	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
98	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
99	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
100	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Ghi chú:

- Khi báo cáo các đơn vị không sửa đổi nội dung các tiêu chí thống kê trong biểu số liệu

- Không thống kê số liệu vào những mục nội dung mà cột mã số (MS) và cột đơn vị tính trong biểu mẫu để trống.

- Các địa phương chỉ đưa vào biểu mẫu này số liệu thống kê về kết quả công tác PCTNTC của địa phương, không thống kê kết quả của các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn

- (1) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

- (2) Số liệu của Ngân hàng Nhà nước Báo cáo

Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHỮNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	0	0	0	0	
2					
...					
Tổng số:					

Biểu số: 03/PCTN

**KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỎ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHỮNG,
TIÊU CỰC^(*)**

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến....ngày.../.../...

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, tiêu cực	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
2							
...							
Tổng số:							

Hướng dẫn cách ghi biểu:

^(*) Phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố xét xử, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

- Cột (4),(5): Điền dấu "x"

- Cột (6): Nhập nội dung khi tích "x" tại Cột (5)

Biểu số: 03/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Số liệu tính từ ngày .../.../.... đến....ngày.../..../...

(Kèm theo Báo cáo số: ngày tháng năm ... của)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC		Thanh tra trách nhiệm						Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm					
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC		Số cuộc đã ban hành kết luận	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
						Số cuộc	Số đơn vị		Hành chính		Chuyên cơ quan điều tra			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
									Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

18. Ghi chú:

Hướng dẫn cách ghi biểu

- Biểu này phục vụ xây dựng Báo cáo chuyên đề về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (VD: Báo cáo hằng năm phục vụ Quốc hội về công tác giải quyết KNTC...)

- Cột (6): Tổng số cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC thực hiện trong kỳ báo cáo, gồm các cuộc triển khai từ kỳ trước chưa ban hành kết luận và các cuộc triển khai trong kỳ
- Cột (7): Tổng số đơn vị được thanh tra trách nhiệm (theo quyết định của các cuộc thanh tra thống kê tại Cột (6))
- Cột (8): Tổng số kết luận thanh tra ban hành trong kỳ báo cáo; Cột (8) \leq Cột (6)
- Từ Cột (9) đến Cột (13) là số liệu tổng hợp từ các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (12))
- Cột (13): Tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm phải thực hiện trong kỳ, gồm kết luận ban hành từ các kỳ trước chưa thực hiện xong và kết luận ban hành trong kỳ báo cáo phải thực
- Từ Cột (14) đến Cột (17) là số liệu tổng hợp từ kết quả thực hiện các kết luận thanh tra thống kê tại Cột (13))
- Nội dung ghi chú viết vào dòng 18 (nếu có)